TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-PT
Ngày 19-4-2023
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh.

Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

1- Các đương sự:

- Nguyên đơn**:** Bà Bùi Thị T, sinh năm 1957 "có mặt".

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị T: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, "có mặt". Theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày 9/11/2022 "có mặt".

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1964 "có đơn xin xét xử vắng mặt".

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Vũ Đức T - Luật sư Văn phòng Luật sư Thăng Long Hà Nội, Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. "vắng mặt".

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoa B, chức vụ Phó Chủ tịch UBND, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La " vắng mặt".

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, "có mặt".

2. Cán bộ Tòa án: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLPT- DS ngày 01/11/2022 về việc; Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm: số 31/2022/DSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 03 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2023 QĐ- PT ngày 6 tháng 4 năm 201 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Bà Bùi Thị T, sinh năm 1957; Địa chỉ: TBB, thị trấn N TMộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Bùi Thị T: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: T32, thị trấn N ,Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1964. Đều có địa chỉ: TBB, thị trấn NTMộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Vũ Đức T - Luật sư Văn phòng Luật sư Thăng Long Hà Nội. Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Số 486, đường Lê Duẩn, tổ 3, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoa B, chức vụ Phó Chủ tịch UBND, huyện Mộc Châu.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975. Địa chỉ: T2, thị trấn N, Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Gia đình bà có mảnh đất mang tên ông Vì Văn T (là chồng bà, đã chết) có diện tích 4.546m^2 tại TBB, thị trấn N, Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03187 QSDĐ/599/QĐ-UB cấp ngày 24/10/2000. Trong quá trình sử dụng đất nhà nước mở đường quốc lộ 6 qua mảnh đất nhà bà có lấy đi một phần đất của gia đình và

điều chỉnh lại sơ đồ thửa đất và diện tích có chiều dài Quốc lộ 6 là 49m mặt đường. Sau đó bà có chuyển nhượng cho nhà C - P 05m mặt đường, chuyển nhượng cho nhà T- C 15m mặt đường, chuyển nhượng cho nhà L – T 05m mặt đường, chuyển nhượng cho nhà T - L 10m mặt đường. Tổng số đất bà đã chuyển nhượng 35m mặt đường, diện tích còn lại là 14m mặt đường, nhưng thực tế bà chỉ còn 7,1m. Như vậy nhà bà còn thiếu đất là 6,9m mặt đường; Đến năm 2016 gia đình ông bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Quốc H đã tự ý xây dựng tường rào nhưng không được sự nhất trí của gia đình bà, mặc dù bà đã yêu cầu bà H và ông H dỡ tường rào nhưng ông bà H, Hkhông dỡ. Cụ thể là bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Quốc H đã lấn chiếm diện tích đất của gia đình bà là: Phía trước 6,9m giáp mặt đường Quốc lộ 6, phía sau là 7,9m, chiều sâu hết đất tại tiểu khu BB, thị trấn N Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Sau khi làm đường nhà bà có cào sườn đồi cho đất được phẳng và vẫn còn mốc giới. Đối với bản cam kết ngày 06/02/2018 bà không được tham gia mà do ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, địa chỉ: T2, thị trấn N Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (là người bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất) ông T nhờ bà ký một tờ giấy để ông T làm thủ tục tách thửa để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do tin tưởng ông T nên bà đã ký mà không biết nội dung, sau này bà được biết tờ giấy bà ký là bản cam kết có nội dung bà cam kết bờ tường do ông bà H, H xây dựng là ranh giới giữa hai nhà bà và ông HH, bà khẳng định nội dung bản cam kết là không chính xác. Nay bà yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết; Yêu cầu buộc ông Nguyễn Quốc H, bà Hoàng Thị H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ 01 bờ tường xây sát phần đất của bà và trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm cho bà quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H trình bày:

Gia đình ông bà sinh sống tại tiểu khu BB, thị trấn N Mộc Châu từ năm 1993, đến năm 2000 đã được UBND huyện Mộc Châu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị H có tổng diện tích đất là 3.835m^2, trong đó có 400m^2 đất thời hạn sử dụng lâu dài và 3.435m^2 đất vườn thời hạn sử dụng đến tháng 10/2020, thuộc thửa đất số 33, 33b tờ bản đồ số 20. Đến năm 2002 Nhà nước làm đường quốc lộ 6 đi qua đất nhà ông bà chia làm 02 mảnh. Đến năm 2009 được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Mộc Châu bổ sung, vẽ sơ đồ và diện tích thửa đất (kèm theo giấy CNQSDĐ số phát hành: R230188), nội dung vẽ sơ đồ và diện tích thửa đất điều chỉnh lại theo quyết định số: 57/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND huyện Mộc Châu như sau: Diện tích còn lại của hộ bà Hoàng Thị H 80.0m^2 đất ở, 1747.0m^2 đất vườn. Tại thửa đất số 33a1, 33b1, 33b10, 33b11, 33b12, 33b13, 33b14 tờ bản đồ số 20. Kể từ khi được UBND huyện Mộc Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông bà không có tranh chấp ranh giới với các hộ xung quanh, cũng như gia đình bà Bùi Thị T. Đến ngày 06/02/2018 thì bà T có mang bản cam kết đưa cho gia đình ông bà và bảo ông Nguyễn Quốc H ký xác định ranh giới giáp ranh đất giữa nhà ông bà và nhà bà T là bức tường do nhà ông bà xây, nay bà và ông Nguyễn Quốc H không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La trình bày như sau:

Hộ gia đình bà Bùi Thị Tn đã được UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri R212323 ngày 24/10/2000. Đến ngày 20/01/2009 thì được điều chỉnh lại theo quyết định số: 58/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau: Diện tích còn lại của hộ gia đình ông Vì Văn T và Bùi Thị T là 170.0m^2 đất ở, 955.0m^2 đất vườn. Tại thửa đất số 43a1, 43b1, 43b2, 43b5, 43b6 tờ bản đồ số 20 (BĐĐC 2000).

Hộ gia đình bà Hoàng Thị H, đã được UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri R230188 ngày 24/10/2000. Đến ngày 20/01/2009 thì được điều chỉnh lại theo quyết định số: 57/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau: Diện tích còn lại của hộ gia đình bà Hoàng Thị H là 80.0m^2 đất ở, 1447.0m^2 đất vườn. Tại thửa đất số 33a1, 33b1, 33b10, 33b11, 33b12 33b13, 33b14 tờ bản đồ số 20 (BĐĐC 2000).

Đối với diện tích đất của hai hộ gia đình có sơ đồ thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Kích thước cạnh thửa, diện tích của các hộ gia đình không đúng theo hiện trạng sử dụng đất là do sai số khi đo đạc dẫn đến có sự biến động kích thước cạnh thửa, diện tích, hình thể thửa đất. Do đó để giải quyết việc; Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn Bùi Thị T với bị đơn Hoàng Thị H và Nguyễn Quốc H. Đề nghị Toà án nhân dân xem xét giải quyết diện tích đất đang có tranh chấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các hộ gia đình. Đối với phần diện tích đất chênh lệch giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất hiện trạng đề nghị Toà án xác minh nguồn gốc sử dụng đất để giải quyết theo quy định của pháp luật. UBND huyện đề nghị được vắng mặt và không tham gia tại các phiên toà, ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tháng 10 năm 2014, hộ gia đình ông có nhận chuyển nhượng đất 10m đất mặt tiền QL6 của bà Bùi Thị T với giá 1.500.000.000đ, khi nhận chuyển nhượng đất có lập hợp đồng, thỏa thuận ông là người tự tách bìa đất. Sau đó ông làm nhà và có đến phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La làm thủ tục tách bìa giữa đất nhà ông và nhà bà Bùi Thị T. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mộc Châu có đến đo thửa đất để tách bìa cho ông thì xác định diện tích đất của bà Bùi Thị T còn thiếu 6,9m mặt đường, do đó không làm thủ tục tách bìa cho ông được.

Đối với bản cam kết ngày 06/2/2018 ông là người trực tiếp đánh máy, và xin chữ ký của từng người trong đó có chữ ký và chữ viết của bà T và ông H Lý do ông viết ranh giới đất giữa nhà bà T và nhà ông bà H H là bờ tường do ông bà H bà H xây dựng là do ông H bảo viết bờ tường là ranh giới giữa hai nhà thì ông mới ký. Để thuận tiện cho việc tách bìa giữa nhà ông và bà T cho nên ông

đã viết ranh giới giữa nhà bà T và nhà ông bà H, H là bờ tường do nhà ông bà H, H xây dựng. Việc viết bản cam kết và nội dung bản cam kết bà T không biết. Khi ông mang bản cam kết đến phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mộc Châu thì phòng Tài nguyên và Môi trường có đến đo đạc lại một lần nữa vẫn xác định diện tích của bà Bùi Thị T còn thiếu 6,9m mặt đường, do đó không tách được bìa. Ông khẳng định gia đình ông không có tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Bùi Thị T cũng như hộ gia đình ông bà H, H. Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình ông và hộ gia đình bà Bùi Thị T cho đến nay gia đình ông vẫn sử dụng đất ổn định trên đất nhận chuyển nhượng không có sảy ra tranh chấp ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/TCDS - ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, đã xét xử và Quyết định:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166, Điều 579 Bộ Luật dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

2. Buộc ông Nguyễn Quốc H, bà Hoàng Thị H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ 01 bờ tường xây sát phần đất bà T, tường xây gạch block 110 không chát có chiều dài 28m, cao 1,5m để trả lại diện tích đất 208,6m^2 cho bà Bùi Thị T.

3. Bà Bùi Thị T được quản lý, sử dụng tổng diện tích đất là 208,6m^2 Trong đó:

- Diện tích đất được giao là 38m^2, tại tiểu khu BB, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri R212323 ngày 24/10/2000, đã được điều chỉnh lại theo quyết định số: 58/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể: Phía đông: Từ M9 đến M8 có chiều dài 6,72m giáp đường QL6. Phía tây bắc: Từ M8 đến M10 có chiều dài 11,3m giáp đất tạm giao cho bà T. Phía nam: Từ M9 đến M10 có chiều dài 12,91m giáp đất bà T.

- Tạm giao cho bà Bùi Thị T được quản lý, sử dụng 170,6m^2 đất tại tiểu khu BB, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đất có vị trí tiếp giáp cụ thể: Phía đông: Từ M8 đến M10 có chiều dài 11,3m giáp đất bà T. Phía bắc: Từ M8 đến M5 có chiều dài 31,07m giáp đất bà H, ông H. Phía tây: Từ M5 đến M4 có chiều dài 6,72m giáp núi. Phía nam: Từ M10 đến M11 có chiều dài 11,93m, từ M11 đến M4 có chiều dài 10,34m giáp đất bà T.

(có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2022, bị đơn bà Hoàng Thị H ông Nguyễn Quốc H có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đề nghị buộc ông Nguyễn Quốc H, bà Hoàng Thị H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ 01 bờ tường xây sát phần đất của bà và trả lại phần diện tích đất ông H và bà H đã lấn chiếm của gia đình cho bà, để bà quản lý, sử dụng.

Quan điểm của bị đơn ông Nguyễn Quốc H và bà Hoàng Thị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thông qua đơn kháng cáo và đơn xin xét xử vắng mặt: Đề nghị khiếu nại về việc Tòa án không đưa bà Lê Thị P; ông Đỗ Danh T, bà Nguyễn Thị V; bà Mùi Thị M. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu, Văn phòng công chứng Thảo Nguyên với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Hiện nay trong hồ sơ vụ án có 02 sơ đồ thửa đất được đo đạc bởi sự xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Mộc châu, tỉnh Sơn La và Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La nhưng có kích thước, hình thể khác nhau nên ông bà không biết kết quả và đề nghị Tòa án tiến hành đo lại thửa đất của ông bà và nguyên đơn và thửa đất của bà Hoàng Thị M do có liên quan đến đất nguyên đơn và ông ÂM bán lại cho ông T để làm rõ diện tích đất, kích thước hình thể thửa đất. Do có công việc đột xuất ông bà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông bà. Giữ nguyên kháng cáo trong đơn kháng cáo, đề nghị huỷ Bản án dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của người liên quan ông Nguyễn Văn Tnhất trí như quan điểm của nguyên đơn bà Bùi Thị T đề nghị buộc ông Nguyễn Quốc H, bà Hoàng Thị H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ 01 bờ tường xây sát phần đất của bà Bùi Thị T và trả lại phần diện tích đất ông H và bà H đã lấn chiếm cho gia đình bà Bùi Thị T.

Phát biểu quả Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Việc cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H lấn chiếm phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn bà Bùi Thị T là có căn cứ. Tuy nhiên việc xác định diện tích đất cần tuyên trả cũng như các diện tích đất tạm giao của cấp sơ thẩm là chưa chính xác, cần sửa lại.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H ông Nguyễn Quốc H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn bà Bùi Thị T khởi kiên bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H đã lấn chiếm một phần diện tích đất trong tổng số diện tích đất của hộ gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích đất lấn chiếm đó. Bị đơn xác định không có sự lấn chiếm, bị đơn vẫn sử dụng đất theo diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là; Tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét đơn kháng cáo ngày 29/9/2022 của bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H làm trong hạn luật định đúng quy định về hình thức nội dung, được thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc H và bà Hoàng Thị H là người kháng cáo Bản án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Quốc H được quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện Mộc Châu được quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về người tham gia tố tụng:

Tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H đề nghị đưa bà Lê Thị P (địa chỉ: TkBB, thị trấn N Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La); Ông Đỗ Danh T, bà Nguyễn Thị V (địa chỉ: Bản C, xã TL, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La); bà Mùi Thị M (địa chỉ: TkBB, thị trấn N Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La); Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu; Văn phòng Công chứng Thảo Nguyên (địa chỉ: Tiểu khu Cơ quan, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Đối với bà Lê Thị P; ông Đỗ Danh T, bà Nguyễn Thị V; bà Mùi Thị M: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, thu thập các tài liệu là giấy tờ mua bán, chuyển nhượng đất và các tài liệu khác liên quan đến ranh giới đất tại vị trí đất mua bán, các hộ gia đình nhận chuyển nhượng đất của bà Bùi Thị T vẫn sử dụng đất ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đất của bà T cho đến nay, sử dụng đúng ranh giới đất chuyển nhượng, không có tranh chấp với nhau về việc sử dụng đất. Việc phát sinh tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn không làm phát sinh quyền hay nghĩa vụ của những ông bà trên. Tòa án không xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La: Thực tế tại thời điểm đo đạc là năm 2009, đơn vị đo đạc lúc này là Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Mộc Châu là phòng ban giúp việc cho Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu trong việc cấp, cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

- Đối với Văn phòng Công chứng Thảo Nguyên: Đã thực hiện việc công chứng, thực hiện việc công chứng theo đúng quy định. Văn bản khai nhận di sản thừa kế, tại văn bản khai nhận di sản thừa kế đã thể hiện rõ di sản thừa kế là ½ diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R212323 mang tên Vì Văn T cũng là đối tượng khởi kiện trong vụ án . Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

- Ngoài ra bị đơn còn đề nghị đưa tổ chức tín dụng mà bị đơn cho rằng quyền sử dụng đất của nguyên đơn đang được thế chấp tại tổ chức tín dụng. Tuy nhiên bị đơn không cung cấp được bất cứ thông tin nào về tên, địa chỉ tổ chức tín dụng hay tài liệu chứng cứ nào liên quan đến việc thế chấp nên không có căn cứ xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về vị trí, nguồn gốc, quá trình sử dụng, hiện trạng diện tích đất và tài sản trên đất, phần diện tích đất tranh chấp:

Phần diện tích đất đang tranh chấp được xác định là phần diện tích đất nằm giữa diện tích đất nguyên đơn bà Bùi Thị T đang sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R212323 mang tên ông Vì Văn T (đã chết) do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000, số thửa 43, tờ bản đồ số 20 và diện tích đất bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H đang sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R230188 mang tên Hoàng Thị H do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp ngày 24/10/2000, số thửa 43, tờ bản đồ số 20.

Diện tích đất nguyên đơn và bị đơn đang sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị thu hồi một phần làm đường quốc lộ 6. Tuyến đường quốc lộ 6 chia diện tích đất của cả nguyên đơn, bị đơn thành 02 mảnh. Phần diện tích đất tranh chấp nằm tại phía Tây nam của đường quốc lộ 6. Năm 2009, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn, bị đơn được bổ sung trang về sơ đồ và diện tích thửa đất (sau khi đã làm đường quốc lộ 6). Quá trình sử dụng đất, bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H đã chuyển nhượng một phần một phần diện tích đất tại khu vực phía Tây nam của đường quốc lộ 6 cho ông Nguyễn Văn N; nguyên đơn bà Bùi Thị T đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho bà Lê Thị P, bà Lê Thị TC, ông Nguyễn Công Th, ông Nguyễn Văn T. Các diện tích đất giữa nguyên đơn và bị đơn chuyển nhượng lại cho các hộ gia đình không nằm giáp ranh diện tích đất giữa nguyên đơn và bị đơn đang tranh chấp.

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng tại cấp phúc thẩm thì diện tích đất của nguyên đơn, bị đơn có sự mở rộng, hình thể thửa đất có sự thay đổi so với hình thể thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn, các nội dung xác minh của cấp sơ thẩm đối với những người quản lý tiểu khu BB qua các thời kỳ thì nguyên đơn, bị đơn có sự khai phá thêm diện tích đất về phía núi đá giáp ranh phía sau diện tích đất đang tranh chấp.

Đối với ranh giới giáp ranh giữa bà Bùi Thị T và hàng xóm là bà Mùi Thị M, căn cứ theo lời khai tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thu thập tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm thì năm 2002, bà Lê Thị P đã mua một phần diện tích đất của bà Bùi Thị T, một phần diện tích đất của ông Đinh Văn Â, bà Mùi Thị M (vị trí giáp ranh) và đã nhập hai diện tích làm một, sau đó bán cho ông Đỗ Danh T, bà Nguyễn Thị V. Diện tích đất trên đã được ông bà T, V san ủi. Do đó, ranh giới giáp ranh giữa bà Bùi Thị T và bà Mùi Thị M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thực tế là không còn, song các bên vẫn sử dụng đất ổn định đúng ranh giới đất các hộ liền kề không sảy ra tranh chấp, yêu cầu của bị đơn đề nghị thẩm định xem xét tại chỗ cả diện tích đất của ông Đinh Văn Â bà Mùi Thị M đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị P bà P chuyển nhượng lại cho ông Đỗ Danh T, bà Nguyễn Thị V. Các hộ gia đình nhận chuyển nhượng đất của bà Bùi Thị T và nhận chuyển lại thực tế vẫn sử dụng đất ổn định từ khi nhận chuyển nhượng đất cho đến nay, sử dụng đúng ranh giới đất chuyển nhượng, không có tranh chấp với nhau về việc sử dụng đất và không giáp ranh đất giữa hộ bà Bùi Thị T và ông bà H, H. Việc phát sinh tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn không làm phát sinh quyền hay nghĩa vụ của những ông bà trên nên không có căn cứ xem xét thẩm định tại chỗ khi chưa có sự đồng ý của bà Lê Thị P, ông Đỗ Danh T, bà Nguyễn Thị V

Về hiện trạng phần diện tích đất tranh chấp: Là phần diện tích đất trống, tại vị trí phần diện tích đất tranh chấp giáp ranh với phần diện tích đất do nguyên

đơn đang sử dụng có 01 bức tường xây bằng gạch babanh có chiều cao 1,3m, chiều dài 21,79m do ông Nguyễn Quốc H, bà Hoàng Thị H xây dựng năm 2016.

[2.2] Đánh giá các căn cứ chứng minh của các đương sự:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà Bùi Thị T căn cứ kích thước thửa đất chiều dài giáp mặt đường quốc lộ 6 trong sơ đồ thửa đất tại trang bổ sung sơ đồ và diện tích thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mang tên Vì Văn T (chồng nguyên đơn) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị H (bị đơn) và quá trình sử dụng đất giữa hai bên. Cụ thể: Chiều dài giáp đường quốc lộ 6 thửa đất của bà Bùi Thị T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 49m. Chiều dài giáp đường quốc lộ 6 thửa đất của bà Hoàng Thị H ông Nguyễn Quốc H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 39,4m. Trong khi hiện trạng thực tế nguyên đơn sử dụng không đủ 49m (bao gồm cả các diện tích đã chuyển nhượng) và bị đơn sử dụng vượt quá 39,4m. Bị đơn xác định vẫn sử dụng ổn định phần diện tích đất của mình sau khi làm đường quốc lộ 6, đồng thời ngày 06/02/2018, bà T có mang bản cam kết đưa cho gia đình bà H, ông H ký xác định ranh giới giữa hai bên là bức tường do bà H, ông H xây năm 2016.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, căn cứ lời khai của các đương sự về quá trình mua bán chuyển nhượng đất và các tài liệu kèm theo, đối chiếu với sơ đồ thửa đất tại trang bổ sung sơ đồ và diện tích thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mang tên Vì Văn T (chồng nguyên đơn) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Thị H (bị đơn) thấy có sự không đồng nhất về kích thước chiều dài đất còn lại của bà T giáp đất bà M (đã bán cho bà P và hướng các thửa đất đã bán, hình thể thực tế của các thửa đất các bên đang sử dụng có sự sai khác so với hình thể thửa đất theo sơ đồ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do việc khai phá thêm các diện tích đất về khu vực núi đá. Mặt khác các tại sơ đồ trên đều chỉ thể hiện kích thước giáp đường quốc lộ 6, không thể hiện kích thước cạnh theo quy hoạch hành lang giao thông. Đối chiếu với biên bản xem xét thẩm định của cấp sơ thẩm thấy rằng cấp sơ thẩm chỉ tiến hành đo đạc kích thước đất nằm ngoài hành lang giao thông trong khi phần diện tích trong hành lang giao thông vẫn được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của đương sự và kích thước thực tế được xác định theo phần đất nằm trong hành lang giao thông, giáp đường quốc lộ 6. Để có căn cứ xác định chính xác kích thước, ranh giới của các hộ gia đình, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung đối với diện tích đang tranh chấp. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thu thập chứng cứ xác định:

Phần đất bị đơn ông bà H, H đã và đang sử dụng (bao gồm phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất khai hoang, phần đất đã chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng và phần diện tích đất đang tranh chấp) có chiều dài giáp đường quốc lộ 6 là 54,31m (so với giấy chứng nhận là 39,4m, vượt quá 14,91m). Tại cấp phúc thẩm, bị đơn ông bà HH cho rằng trong số diện tích trên có một phần diện tích (chiều dài giáp đường quốc lộ 6 là 11m)

là do bố bà H (ông Hoàng Hữu M khai hoang). Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn đều không khai nhận nội dung trên và hiện cũng không cung cấp được bất kỳ giấy tờ, tài liệu thể hiện quyền sở hữu hợp pháp của ông Hoàng Hữu M.

Phần đất bị đơn bà Bùi Thị T đã và đang sử dụng (bao gồm phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất khai hoang, phần đất đã chuyển nhượng, đã và chưa làm thủ tục chuyển nhượng có chiều dài giáp đường quốc lộ 6 là 34,4m. Đối với phần chuyển nhượng cho bà P, do bà P mua gộp cả phần diện tích đất của bà T và bà M(hàng xóm) và nhập làm một thửa, không còn thể hiện ranh giới. Đối chiếu với phần sơ đồ bổ sung năm 2009 thì chiều dài giáp đường quốc lộ 6 phần ông T, bà T chuyển nhượng cho bà P là 07m. Như vậy kích thước tổng phần đất bà T đã và đang sử dụng là 41,4m (so với giấy chứng nhận là 49m và quá trình sử dụng đất, thiếu 7,6m). Theo sự chuyển nhượng đất của bà P, bà T thì phần đất mua bán có kích thước 5m mặt đường, đối chiếu với sơ đồ do các bên vẽ tại giấy chuyển nhượng gồm phần đất giáp đường vị trí hành lang giao thông là 8,3m, thu vào là phần đất mua bán có kích thước 5m. Căn cứ theo sơ đồ mua bán trên thì kích thước tổng phần đất bà T đã và đang sử dụng là 42,7m (so với giấy chứng nhận thiếu 6,3m).

Do ranh giới hiện trạng giáp ranh giữa bà T và bà M, giữa ông bà H H và bà T, ranh giới phía Tây đất của ông bà HH đã thay đổi, để có cơ sở xác định chính xác kích thước thực tế ban đầu cũng như kích thước thửa đất sau khi làm đường quốc lộ 6 và vị trí ranh giới giáp ranh giữa hai hộ bà H ông H và bà T, Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cung cấp thông tin về việc đo đạc, quy hoạch lập bản đồ địa chính đối với khu vực tiểu khu BB nói chung và tại vị trí thửa đất của hai hộ đang tranh chấp nói riêng. Tại công văn số: 686/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu và công văn số: 90/VP- ĐKĐĐ ngày 06/3/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu. Đã xác định thời điểm trước khi mở đường quốc lộ 6 cắt qua diện tích đất của hộ gia đình ông T bà T, hộ bà H ông H và các hộ gia đình khác tại khu vực tiểu khu BB, thị trấn Nông trường Mộc Châu được quản lý dựa trên tờ bản đồ địa chính số 20 đo đạc năm 1999-2000, hiện bản đồ đo đạc địa chính năm 1999-2000 sử dụng hệ tọa độ HN-72 vẫn đang sử dụng và chưa thay thế. Trên cơ sở thông tin do Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu cung cấp, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành đối chiếu sơ đồ đo đạc hiện trạng tại biên bản thẩm định tại chỗ với bản đồ địa chính đo đạc năm 2000 sử dụng hệ tọa độ quốc gia HN-72 xác định được như sau:

- Kích thước phần chiều dài giáp đường quốc lộ 6 thửa đất của nguyên đơn bà Bùi Thị T (nằm trong sơ đồ đã đo đạc năm 2000) là 49,54m (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 49m).

- Kích thước phần chiều dài giáp đường Quốc lộ 6 thửa đất của bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H (nằm trong sơ đồ đã đo đạc năm 2000) là

46,31m (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 39,4m).

- Phần diện tích đất mà bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H đang sử dụng lấn sang diện tích đất của nguyên đơn gồm:

+ Diện tích nằm trong hành lang giao thông St =60,5m^2 có kích thước: Từ điểm M5-M6 là 6,11m; Từ điểm M6-M2 là 11,21m; Từ điểm M2-M3 là 6,72m; Từ điểm M3-M5 là 10,88m.

+ Diện tích nằm ngoài hành lang giao thông Sn =167m^2 có kích thước: Từ điểm M1-M2 là 22,67m; Từ điểm M2-M3 là 6,72m; Từ điểm M3-M4 là 28,28m; Từ điểm M4-M1 là 7,56m. Tổng diện tích lấn chiếm là 227,5m^2.

Việc cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H lấn chiếm phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn bà Bùi Thị T là có căn cứ. Tuy nhiên việc xác định diện tích đất cần tuyên trả cũng như các diện tích đất tạm giao cho nguyên đơn của cấp sơ thẩm là chưa chính xác, cần sửa lại.

Đối với việc bị đơn căn cứ trên giấy xác nhận ranh giới ngày 06/02/2018 để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành thu thập lời khai của những người liên quan, những người biết việc, xác định không có căn cứ xác định bà Bùi Thị T là người trực tiếp lập bản cam kết ngày 06/02/2018 cũng như bản cam kết thể hiện ý trí của bà T đặc biệt là phù hợp với lời trình bày của ông T tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Việc nhận định, đánh giá nêu trên của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định.

Đối với tài sản trên đất đã lấn chiếm là 01 bức tường xây bằng gạch ba banh có chiều cao 1,3m, chiều dài 21,79m, diện tích 28,237m^2 do bị đơn ông Nguyễn Quốc H, bà Hoàng Thị H xây dựng, cần buộc ông bà Hoàng Thị H, Nguyễn Quốc H phải phá dỡ, di dời để trả lại diện tích đất trên cho nguyên đơn bà Bùi Thị T.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung tại cấp phúc thẩm là 12.766.000đ (mười hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng), do bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H phải chịu chi phí tố tụng nêu trên. Bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do bản án bị sửa.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2022/DSST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166, Điều 579 Bộ Luật dân sự; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T:

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H phải phải phá dỡ, di dời toàn bộ 01 bờ tường xây bằng gạch ba banh có chiều cao 1,3m, chiều dài 21,79m, diện tích 28,237m^2 nằm trên phần đất lấn chiếm và trả lại trả lại phần đất đã lấn chiếm có tổng diện tích 227,5m^2 tại tiểu khu BB, TTNT Mộc Châu, huyện Mộc Châu cho nguyên đơn bà Bùi Thị T, Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri R212323 ngày 24/10/2000, đã được điều chỉnh lại theo quyết định số: 58/QĐ-UBND ngày 20/01/2009 của UBND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Trong đó:

- Diện tích nằm trong hành lang giao thông St =60,5m^2, có tứ cận:

+ Phía Đông giáp đường Quốc lộ 6, từ điểm M5-M6 là 6,11m;

+ Phía Bắc giáp phần đất nằm trong quy hoạch hành lang giao thông của ông bà H – H, từ điểm M6-M2 là 11,21m;

+ Phía Tây là đường chỉ giới hành lang giao thông, từ điểm M2-M3 là 6,72m;

+ Phía Nam giáp đất bà T, từ điểm M3-M5 là 10,88m.

- Diện tích nằm ngoài hành lang giao thông Sn =167m^2, có tứ cận:

+ Phía Bắc giáp đất nhà H – H, từ điểm M1-M2 là 22,67m;

+ Phía Đông là đường chỉ giới hành lang giao thông, từ điểm M2-M3 là 6,72m;

+ Phía Nam giáp đất bà T, từ điểm M3 – M4 là 28,28m;

+ Phía Tây giáp đất bà T khai phá thêm, từ điểm M4-M1 là 7,56m.

(có sơ đồ kèm theo).

2 Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ bổ sung là 12.766.000đ (mười hai triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H đã nộp đủ.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị H, ông Nguyễn Quốc H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001796 ngày 30/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (19/4/2023).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Tuấn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lại Thị Hiếu **Cầm Văn Thanh**

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Tuấn Long